BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 04: Từ 20/01 Đến 26/01/2025

LỚP			62CCT1	62CDC1	62CDH1	62CDL1	62CDT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVDC1	62TVDC2	62TVDC3	62TVDC4	62TVDL1	62TVDL2
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 20/01	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN					Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)	
		2																
		3															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	
		4																
		5															HDHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)	
	Chiều	6											Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)
		7													Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		8											CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)
		9																
		10											HDHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HDHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)		HDHNTN 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)
Thứ 3 21/01	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN					Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	
		2																
		3															CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	
		4																
		5															Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)	
	Chiều	6											Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		CCD Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)
		7																Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)
		8											Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)		
		9																Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)
		10											Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.102)		CCD Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)
Thứ 4 22/01	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN						
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6											Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.407)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)
		7															Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)	
		8											CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCD Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	CCD Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	CCD Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)
		9											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)				
		10											Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)

LỚP			62CCT1	62CDC1	62CDH1	62CDL1	62CDT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 23/01	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN						
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6											Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (HS.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (HS.407)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (HS.102)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (HS.102)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hồng (HS.202)
		7																
		8											CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (HS.407)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (HS.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (HS.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (HS.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (HS.202)
		9													Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (HS.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (HS.102)		
		10											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (HS.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (HS.407)				CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (HS.202)
Thứ 6 24/01	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN					Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (HS.201)	
		2															CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (HS.201)	
		3															CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (HS.201)	
		4																
		5															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (HS.201)	
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 25/01	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN						
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6											HDHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (HS.407)	HDHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (HS.407)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (HS.102)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (HS.102)	HDHNTN 12_2 Chu Thị Tính (HS.201)	HDHNTN 12_2 Lưu Thị Thuỷ (HS.202)
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 04: Từ 20/01 Đến 26/01/2025

LỚP			62TVĐL3	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 20/01	Sáng	1		Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)			Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	CCD Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCD Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	
		2					Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)			CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			
		3		Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)				Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)	
		4		HDHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)			HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	HDHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HDHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)		HDHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	
		5																
	Chiều	6	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)								Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)
		7			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)											Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		
		8	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)								Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCD Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)		CCD Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)
		9	HDHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)		HDHNTN 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)								HDHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		HDHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)		HDHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.103)
		10																
Thứ 3 21/01	Sáng	1	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)		Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)		CCD Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)
		2					CCD Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)				CCD Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)
		3	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)	CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	
		4	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)
		5					Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	
	Chiều	6			CCD Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)									Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)				
		7			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)													
		8			Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)									CCD Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)				
		9												Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)				
		10			CCD Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)													
Thứ 4 22/01	Sáng	1	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)	CCD Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		CCD Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)
		2					CCD Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)		CCD Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	CCD Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)
		3	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)			CCD Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)				CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)
		4	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)			Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)
		5	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)			Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)					Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)		CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)				
	Chiều	6		CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)					Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.101)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.101)			Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)		
		7		Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)														
		8		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	CCD Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)					Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)		
		9			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)					CCD Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)			CCD Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)			CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)		
		10		Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)												CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)		

LỚP			62TVĐL3	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 23/01	Sáng	1																
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6			Hoá học 12_2 Trần Thị Hồng (H5.202)			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.101)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		
		7														Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)		
		8			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)			CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)		
		9						Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)		
		10			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)		
Thứ 6 24/01	Sáng	1	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.304)
		2		CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)														
		3	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)			Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)
		4		Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)
		5	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)												
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 25/01	Sáng	1																
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6	HDHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	HDHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)	HDHNTN 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.104)	HDHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HDHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	HDHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.104)	HDHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 04: Từ 20/01 Đến 26/01/2025

LỚP			62TVS3	62TVS4	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 20/01	Sáng	1				Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)										Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Hoàng Văn Lợi ()
		2				CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)												
		3				Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)												
		4				HĐHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)												
		5																
	Chiều	6	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)		Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)									Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Hoàng Văn Lợi ()
		7	CCD Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.103)				Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)											
		8			Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCD Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)											
		9	HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.103)		HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		HĐHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)											
		10																
Thứ 3 21/01	Sáng	1	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)			CCD Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)									Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Hoàng Văn Lợi ()
		2	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)															
		3				Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)											
		4	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)			CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)											
		5				Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)												
	Chiều	6			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)											Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Hoàng Văn Lợi ()
		7																
		8			CCD Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)													
		9			Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)													
		10																
Thứ 4 22/01	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)												Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Hoàng Văn Lợi ()
		2	CCD Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)												
		3	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)													
		4	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.301)												
		5			CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)													
	Chiều	6					Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)										Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	
		7																
		8					Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)											
		9					CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)											
		10					CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)											

LỚP			62TVS3	62TVS4	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 23/01	Sáng	1																
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6			Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)											
		7					Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)										Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Nguyễn Quang Tiến (K11.209; TH Động cơ + SÂNH TẦNG 2)	
		8			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)											
		9					Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)											
		10			CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		CCD Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)											
Thứ 6 24/01	Sáng	1	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.304)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)												
		2																
		3	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)			Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)												
		4	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)												
		5																
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 25/01	Sáng	1																
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6	HDHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		HDHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	HDHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)											
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 04: Từ 20/01 Đến 26/01/2025

LỚP			63CTT1	63TDC1	63TDC1A	63TDC2	63TDC3	63TDC4_YL	63TDC5_YL	63TDC6_YL	63TDC7_YL	63TDC8_BX	63TDC9_BX	63TDH1_YL	63TDH2_YL	63TDL1	63TDL1A	63TDL2
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 20/01	Sáng	1		Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	CCD Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCD Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Văn Tính ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()			Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.307)		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)
		2				Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)											
		3		Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)											
		4																
		5		HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)											
	Chiều	6		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)		Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)										Hệ thống máy lạnh công nghiệp Lưu Quang Hưng (X22.301)	
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 3 21/01	Sáng	1		Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)			Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Văn Tính ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()			Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.307)		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)
		2				CCD Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	CCD Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)											
		3		Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)											
		4		Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)		Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)											
		5																
	Chiều	6		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)		Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)										Hệ thống máy lạnh công nghiệp Lưu Quang Hưng (X22.301)	
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 4 22/01	Sáng	1		CCD Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Văn Tính ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()			Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.307)		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)
		2		Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)														
		3		Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		CCD Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	CCD Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)											
		4		Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)											
		5		CCD Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)														
	Chiều	6		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)		Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)										Hệ thống máy lạnh công nghiệp Lưu Quang Hưng (X22.301)	
		7																
		8																
		9																
		10																

LỚP			63CTT1	63TDC1	63TDC1A	63TDC2	63TDC3	63TDC4_YL	63TDC5_YL	63TDC6_YL	63TDC7_YL	63TDC8_BX	63TDC9_BX	63TDH1_YL	63TDH2_YL	63TDL1	63TDL1A	63TDL2
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 23/01	Sáng	1		HDHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		HDHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)							Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()			
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)		Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)					Tiếng anh chuyên ngành Đỗ Tiến Phong ()						
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 6 24/01	Sáng	1		CCĐ Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)					Tiếng anh chuyên ngành Đỗ Tiến Phong ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()		
		2		Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)														
		3		Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)		Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)											
		4																
		5		Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Họp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Họp (H5.307)											
	Chiều	6		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà ()			Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)					Tiếng anh chuyên ngành Đỗ Tiến Phong ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()					
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 25/01	Sáng	1																
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 04: Từ 20/01 Đến 26/01/2025

LỚP			63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 20/01	Sáng	1	Vi điều khiển Phạm Ngọc Anh (X22.103)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.204)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)				Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)	
		2									CCD Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)							
		3					Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)				Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.401)				Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	
		4										Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)					
		5					HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)				HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	
	Chiều	6					Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Trang bị điện máy công cụ Đỗ Anh Tuấn (-)			Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán máy Trần Việt Anh (TV_TH TN03)						
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 3 21/01	Sáng	1	Vi điều khiển Phạm Ngọc Anh (X22.103)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.204)			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)		Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCD Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCD Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)	
		2										Tin 11_2 Võ Lê Thu (H5.401)	Tin 11_2 Võ Lê Thu (H5.401)					
		3					Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)				Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)						Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	
		4					Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)				Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.401)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)	
		5																
	Chiều	6					Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Trang bị điện máy công cụ Đỗ Anh Tuấn (-)			Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán máy Trần Việt Anh (TV_TH TN03)					Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Phùng Ngọc Hùng (H2.303_TH LR Máy tính)
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 4 22/01	Sáng	1	Vi điều khiển Phạm Ngọc Anh (X22.103)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.204)			CCD Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		CCD Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCD Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	CCD Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)				Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	
		2					Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)				Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)					
		3					Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)					Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)				Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	
		4					Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)				Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)						CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)	
		5					CCD Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)					Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)	
	Chiều	6					Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Trang bị điện máy công cụ Đỗ Anh Tuấn (-)	Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)		Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP- KT)				Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Phùng Ngọc Hùng (H2.303_TH LR Máy tính)
		7																
		8																
		9																
		10																

LỚP			63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 23/01	Sáng	1					HDHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)				HDHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				HDHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H0.402)	
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6					Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_Xưởng TH Khoa Cơ khí)						Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP- KT)				Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Phùng Ngọc Hùng (H2.303_TH LR Máy tính)
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 6 24/01	Sáng	1					CCD Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)			Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)				Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	
		2					Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)											
		3					Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)				Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)				Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	
		4									CCD Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)						CCD Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	
		5					Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)				Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	CCD Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCD Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)				CCD Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	
	Chiều	6								Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()		Kế toán máy Trần Việt Anh (TV_THI TN03)					Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 25/01	Sáng	1																
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 04: Từ 20/01 Đến 26/01/2025

LỚP			63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 20/01	Sáng	1			Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Photoshop Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)
		2						Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)					CCD Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)			
		3			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)					CCD Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)
		4						CCD Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCD Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)
		5			HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)
	Chiều	6			Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)			SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)							Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Vũ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 3 21/01	Sáng	1			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Photoshop Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	CCD Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	CCD Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)
		2			Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)		Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)			CCD Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	CCD Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)		
		3						Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.302)		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		4			Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)					Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)
		5			CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)					CCD Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	CCD Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)					
	Chiều	6			Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)							Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Vũ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 4 22/01	Sáng	1			Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Photoshop Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)			Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.302)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)
		2			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)		Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)					Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)		Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.403)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.403)
		3			CCD Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)		CCD Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)		
		4			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)			Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	CCD Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	CCD Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)
		5			CCD Vật lý 11_2 Chu Thị Trinh (H5.404)		CCD Vật lý 11_2 Chu Thị Trinh (H5.404)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)			Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)			Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)
	Chiều	6			Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)							Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Vũ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)
		7																
		8																
		9																
		10																

LỚP			63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 23/01	Sáng	1			HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HDHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HDHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			HDHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HDHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HDHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6			Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)							Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Võ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 6 24/01	Sáng	1			Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Kiểm Photoshop-1-2-2024(N01) Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		2																
		3			Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCD Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	CCD Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)			Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		4			Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)					CCD Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	CCD Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	CCD Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)		
		5			Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)					Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	CCD Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	CCD Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	CCD Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	CCD Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCD Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 25/01	Sáng	1																
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 04: Từ 20/01 Đến 26/01/2025

LỚP			63TVP4	64CCK1	64CDC1	64CDH1	64CDL1	64CDT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TDC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 20/01	Sáng	1	Vật lý 11_2 Pham Thanh Mai (H5.303)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (X22.301)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐÔNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường ()	Tiếng Anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.103)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	
		2	CCD Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)															
		3	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)															
		4															Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	
		5	HDHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)															
	Chiều	6	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H3.110_TH THCB)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()					Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐÔNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)
		7												Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (X22.109)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)
		8													Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)			Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)
		9												Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCD Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)
		10												HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)
Thứ 3 21/01	Sáng	1	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (X22.301)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐÔNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường ()	Tiếng Anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.103)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	
		2																
		3	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)															
		4	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)														Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)	
		5																
	Chiều	6	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H3.110_TH THCB)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX2)		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐÔNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)
		7												Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)			Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (X22.109)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)
		8													Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)
		9												CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)
		10												Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)			
Thứ 4 22/01	Sáng	1	CCD Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)		Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (X22.301)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)						Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	
		2	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)															
		3															Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.101)
		4	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)															
		5															Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)	
	Chiều	6	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H3.110_TH THCB)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.207)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)			Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()			Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)		Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)
		7															Kta: Điện tử cơ bản-1-2-2024(N01) Nguyễn Minh Khang (...)	
		8												Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	CCD Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)
		9												Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)		Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)
		10													Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)

LỚP			63TVP4	64CCK1	64CDC1	64CDH1	64CDL1	64CDT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TDC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 23/01	Sáng	1	HDHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)							Tiếng Nhật (H3.103)								
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H3.110_TH THCB)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.207)					Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.101)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)
		7													Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)			
		8												Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		CGD Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)
		9												Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thi Vân (H5.306)	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)
		10												Vật lí 10_2 Chu Thị Tình (H5.403)				Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)
Thứ 6 24/01	Sáng	1	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)															
		2																
		3	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.207)		Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.207)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SÂN TẬP_KTX2)	Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.207)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TẦNG 2)						Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.101)
		4	CGD Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)															
		5	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)															
	Chiều	6			Kira: Tin hoc-1-2-2024(N02) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)					Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.101)			Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thi Thu Hà (H5.403)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Nuyền (H5.306)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thi Phong Lan (H5.204)		HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thoa (H5.402)
		7																
		8			Kira: Tin hoc-1-2-2024(N03) Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)													
		9																
		10																
Thứ 7 25/01	Sáng	1																
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 04: Từ 20/01 Đến 26/01/2025

LỚP			64TDC2	64TDC3_YL	64TDC4_YL	64TDH1	64TDH2_YL	64TDL1	64TDL1A	64TDP1	64TDT1	64TDT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLD1A	64TLG1
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 20/01	Sáng	1							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)		Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.207)		Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	
		2							Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)								Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)	
		3							Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)				Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)					Quản trị kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.108_Khoa SP- KT)
		4															Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	
		5																
	Chiều	6	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2024(N03) Phan Thị Lý (...) Kỹ thuật điện-1-2-2024(N04) (...)	Vẽ điện Phạm Quang Thắng ()	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)	Vẽ điện Ng Hồng Thao ()	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Kỹ thuật hàn Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Kĩ thuật đo lường Vũ Minh Cường (X10.203_PHLT Khoa CK)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thuỳ Ngọc (H5.301)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)
		7	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.301)				Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.301)			CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)
		8				Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)				Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		Mạch điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)
		9	CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.301)		CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)	CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.301)			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		10	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)
Thứ 3 21/01	Sáng	1	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.207)						Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)		Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.208)	Tiếng Anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.108_CNTT)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.205_Khoa SP-KT)			Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	
		2																
		3							Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)									Quản trị kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.108_Khoa SP- KT)
		4											Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)				Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	
		5							Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)								Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	
	Chiều	6	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2024(N03) Phan Thị Lý (...) Kỹ thuật điện-1-2-2024(N04) (...)	Vẽ điện Phạm Quang Thắng ()	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	Vẽ điện Ng Hồng Thao ()	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Kỹ thuật hàn Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.203)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Kĩ thuật đo lường Vũ Minh Cường (X10.203_PHLT Khoa CK)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)			Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)
		7								Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)								Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)
		8	CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.301)		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)			Mạch điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	
		9	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)					Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.301)			Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)
		10				Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.301)									Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.301)			CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)
Thứ 4 22/01	Sáng	1	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)					Tiếng Anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.208)	Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)		Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H5.101)	Tiếng Anh 2 Hà Ngọc Tân (H5.103)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.205_Khoa SP-KT)			Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)	
		2																
		3											Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)					
		4							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)									
		5											Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	
	Chiều	6	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2024(N03) Phan Thị Lý (...) Kỹ thuật điện-1-2-2024(N04) (...)	Vẽ điện Phạm Quang Thắng ()	CCD Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vẽ điện Ng Hồng Thao ()	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Kỹ thuật hàn Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Kĩ thuật đo lường Vũ Minh Cường (X10.203_PHLT Khoa CK)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	CCD Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)
		7				Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.301)									Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.301)			
		8	CCD Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)					Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		CCD Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)			Mạch điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	
		9	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)			Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.301)						Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.301)			Công nghệ 10_2 Phạm Thanh Đạt (H5.406)
		10				Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		CCD Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)		CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.203)	CCD Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)

LỚP			64TDC2	64TDC3_YL	64TDC4_YL	64TDH1	64TDH2_YL	64TDL1	64TDL1A	64TDP1	64TDT1	64TDT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLD1A	64TLG1
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 23/01	Sáng	1																
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)		Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.203)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Kĩ thuật đo lường Vũ Minh Cường (X10.203_PHLT Khoa CK)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)
		7										CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)						
		8	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2024(N03) Phan Thị Lý (...) Kỹ thuật điện-1-2-2024(N04) (...)	Vẽ điện Phạm Quang Thắng ()	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Bạt (H5.301)	Vẽ điện Ng Hồng Thao ()	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Bạt (H5.301)		Mạch điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)
		9	Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)							Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.203)		CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)				
		10				CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)			Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)			Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)
Thứ 6 24/01	Sáng	1	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)					Tiếng Anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.208)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)			Tiếng Anh 2 Hà Ngọc Tân (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.205_Khoa SP-KT)	Tiếng Anh 2 Trần Thu Hương (H3.105_Khoa SP- KT)		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	
		2																
		3							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)									
		4															Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	
		5																
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2024(N03) Phan Thị Lý (...) Kỹ thuật điện-1-2-2024(N04) (...)	Vẽ điện Phạm Quang Thắng ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 25/01	Sáng	1																
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6																
		7																
		8																
		9																
		10																

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 04: Từ 20/01 Đến 26/01/2025

LỚP			64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT														
Thứ 2 20/01	Sáng	1	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.104)		Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)							
		2														
		3	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)			Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.104)										
		4														
		5				Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)										
	Chiều	6	Quản lý thiết bị và kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Tách: Mạng máy tính-1-2-2024(N_T15) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA Tỉnh) Mạng máy tính-1-2-24(N14) Tạ Văn Khoa (H2.301_TH LR Máy tính)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)		CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)
		7		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)		
		8		Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)			Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)
		9		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCD Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		10		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.203)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)
Thứ 3 21/01	Sáng	1	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)									
		2														
		3				Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.104)										
		4	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)			Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.104)										
		5														
	Chiều	6	Quản lý thiết bị và kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.203)		Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)
		7		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)			Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)		Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)		Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)			
		8		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)		CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)			Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		9			Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)			
		10		CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)				Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)				Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)
Thứ 4 22/01	Sáng	1	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)	Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)							
		2														
		3	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.104)										
		4	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)													
		5														
	Chiều	6	Quản trị kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP- KT)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)
		7						Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)							
		8		Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)		CCD Vật lý 10_2 Pham Thanh Mai (H5.307)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)
		9			CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)			
		10		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)					Công nghệ 10_2 Hồ Đỉ Khương (H5.304)	CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.203)			Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	CCD Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	CCD Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)

LỚP			64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT														
Thứ 5 23/01	Sáng	1														
		2														
		3														
		4														
		5														
	Chiều	6	Quản trị kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP- KT)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)		Vật lí 10_2 Pham Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.203)		Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)
		7								CGD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)				Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)		
		8		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CGD Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		CGD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	CGD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)
		9			Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			CGD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.203)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CGD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	CGD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)
		10		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)			Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)
Thứ 6 24/01	Sáng	1	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)							
		2														
		3				Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.104)										
		4														
		5				Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.104)										
	Chiều	6		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thuỷ (H5.402)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.203)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)
		7														
		8														
		9														
		10														
Thứ 7 25/01	Sáng	1														
		2														
		3														
		4														
		5														
	Chiều	6														
		7														
		8														
		9														
		10														